**NGHỊ QUYẾT HĐND TỈNH QUẢNG BÌNH KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 5**

**LTS: Kỳ họp thứ 5, HĐND tỉnh khóa XVII họp từ 11 – 13-7-2017 đã thông qua nhiều nghị quyết quan trọng để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH, quốc phòng- an ninh... Báo Quảng Bình xin đăng tải các nghị quyết đã được HĐND tỉnh thông qua.**

**NGHỊ QUYẾT**

Phê duyệt phương án sử dụng và trả nợ vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB) để thực hiện Dự án: Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (VILG) thực hiện tại tỉnh Quảng Bình(NQ số 16/2017/NQ- HĐND ngày 18-7-2017)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Hiệp định Tài trợ khoản Tín dụng số 5887-VN ký ngày 23 tháng 12 năm 2016 giữa đại diện của Chính phủ Việt Nam và Hiệp hội Phát triển Quốc tế (IDA);

Căn cứ Nghị định số 79/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 52/2017/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 930/QĐ-TTg ngày 30 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”, vay vốn Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Quyết định số 1236/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”, vay vốn Ngân hàng Thế giới;

Xét Tờ trình số 1193/TTr-UBND ngày 7 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt phương án sử dụng và trả nợ vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB) để thực hiện Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (VILG) thực hiện tại tỉnh Quảng Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

Điều 1. Phê duyệt phương án sử dụng và trả nợ vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB) để thực hiện Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (VILG) thực hiện tại tỉnh Quảng Bình, như sau:

**I. NỘI DUNG DỰ ÁN**

1. Tên Dự án: Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (VILG) thực hiện tại tỉnh Quảng Bình.

2. Nhà tài trợ: Ngân hàng Thế giới (WB).

3. Cơ quan chủ quản dự án: Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Bình.

4. Chủ dự án: Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Bình.

5. Địa điểm thực hiện: Dự án triển khai thực hiện tại cấp tỉnh và 2 đơn vị cấp huyện được xây dựng mới cơ sở dữ liệu đất đai: huyện Minh Hóa và huyện Tuyên Hóa; 6 đơn vị cấp huyện được chuẩn hóa, bổ sung dữ liệu: thành phố Đồng Hới, thị xã Ba Đồn, huyện Lệ Thủy, huyện Quảng Ninh, huyện Quảng Trạch và huyện Bố Trạch.

6. Thời gian thực hiện: 2017 - 2022.

7. Mục tiêu đầu tư:

 - Góp phần phát triển, vận hành một hệ thống thông tin đất đai quốc gia đa mục tiêu nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của Chính phủ, doanh nghiệp và người dân.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả và minh bạch của công tác quản lý đất đai tại địa bàn tỉnh thực hiện dự án thông qua việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai.

8. Nội dung đầu tư:

Dự án gồm 3 hợp phần:

- Hợp phần 1: Tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ đất đai.

- Hợp phần 2: Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và triển khai hệ thống thông tin đất đai quốc gia đa mục tiêu (MPLIS).

- Hợp phần 3: Quản lý dự án.

9. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn:

Tổng mức đầu tư dự án là: 2.155.820 USD

Trong đó:

- Vốn vay ưu đãi (IDA) của WB: 1.705.940 USD

- Vốn đối ứng: 449.880 USD

10. Cơ chế tài chính trong nước:

a. Đối với phần vốn vay ưu đãi (IDA) của WB:

 - Ngân sách Trung ương cấp phát 80% tương đương với: 1.364.750 USD.

- Tỉnh vay lại 20% tương đương với 341.190 USD.

- Toàn bộ nguồn vốn vay lại Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ thỏa thuận vay lại với Bộ Tài chính và giao cho chủ đầu tư dự án quản lý và sử dụng thực hiện các hạng mục được phê duyệt và nội dung ký kết trong thỏa thuận vay vốn.

b. Đối với nguồn vốn đối ứng 449.880USD:

 - Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu theo quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 và Quyết định số 930/QĐ-TTg ngày 30/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh mục Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai” vay vốn Ngân hàng Thế giới.

- Ngân sách địa phương: tự cân đối phần còn lại.

**II. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN VAY**

1. Về phương án sử dụng vốn:

a. Toàn bộ phần vốn vay ưu đãi (IDA) của WB (1.705.940 USD): được sử dụng để đầu tư hiện đại hóa và tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ của Văn phòng đăng ký đất đai; triển khai hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và hỗ trợ quản lý dự án.

b. Vốn đối ứng (449.880 USD): được sử dụng để đối ứng xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; đối ứng hỗ trợ quản lý dự án và hoạt động về theo dõi và đánh giá dự án,...

2. Cơ chế vay lại:

Uỷ ban nhân dân tỉnh sẽ ký thỏa thuận vay lại với Bộ Tài chính đối với nguồn vốn cho vay lại của Dự án (20% vốn vay ưu đãi (IDA) của WB tương đương với 341.190 USD) với cơ chế như sau:

- Tổng thời gian vay: 25 năm trong đó 5 năm ân hạn (theo phương án trả nợ thông thường) hoặc 15 năm trong đó có 5 năm ân hạn (theo phương án trả nợ nhanh).

- Lãi suất vay: 1,25%/năm.

- Phí dịch vụ: 0,75%/năm.

- Hình thức trả nợ: Mỗi năm hai kỳ vào các ngày 15/6 và 15/12.

3. Tổng giá trị khoản vay lại: 341.190 USD.

4. Phương án trả nợ:

a. Phương án 1: Theo Hiệp định tài khoản tín dụng số 5887-VN: Thời gian vay 25 năm, 5 năm ân hạn, bắt đầu trả nợ gốc từ năm thứ 6 đến hết năm thứ 25. Lãi vay bắt đầu trả từ khi phát sinh dư nợ.

b. Phương án 2: Theo cơ chế trả nợ nhanh áp dụng theo Văn bản số 7972/BTC-QLN ngày 13/6/2016 của Bộ Tài chính: Thời gian vay 15 năm, 5 năm ân hạn, bắt đầu trả nợ gốc từ năm thứ 6 đến hết năm thứ 15. Lãi vay bắt đầu trả từ khi phát sinh dư nợ.

5. Nguồn vốn trả nợ: Nguồn trả nợ được lấy từ nguồn thu trực tiếp do hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án ra, các nguồn thu khác theo quy định và các nguồn được cân đối trong nguồn thu, chi ngân sách hàng năm của tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác để trả nợ theo thời hạn cam kết với nhà tài trợ.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 và 2 đính kèm xem trên baoquangbinh.vn)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện Nghị quyết này. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 8 năm 2017.

**CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

**Hoàng Đăng Quang**

**NGHỊ QUYẾT**

Phê duyệt phương án sử dụng và trả nợ vốn vay Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) để thực hiện Dự án: Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình

(NQ số 17/2017/NQ-HĐND ngày 18-7-2017)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 79/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 52/2017/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị”;

Xét Tờ trình số: 1083/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết phê duyệt phương án sử dụng và trả nợ vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) để thực hiện Dự án hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu Dự án tỉnh Quảng Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

Điều 1. Phê duyệt phương án sử dụng và trả nợ vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) để thực hiện Dự án hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu Dự án tỉnh Quảng Bình, như sau:

**I. NỘI DUNG DỰ ÁN**

1. Tên Dự án: Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu Dự án tỉnh Quảng Bình, vay vốn ADB (gọi tắt là Dự án BIIG2 tỉnh Quảng Bình).

2. Nhà tài trợ: Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB).

3. Cơ quan đề xuất dự án: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình.

4. Cơ quan chủ quản dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình.

5. Chủ dự án: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình.

6. Địa điểm thực hiện: Tỉnh Quảng Bình.

7. Thời gian thực hiện: 5 năm (2017 - 2022).

8. Mục tiêu đầu tư: Thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, nâng cao khả năng cạnh tranh của tỉnh Quảng Bình, góp phần đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa thị trường của nền kinh tế khu vực Bắc Trung Bộ tại các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị.

9. Nội dung đầu tư:

Dự án gồm 3 hợp phần:

a) Hợp phần 1: Hạ tầng kết nối giao thông: Xây dựng và nâng cấp các tuyến giao thông với tổng chiều dài dự kiến khoảng 38,2 km trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh Quảng Bình.

b) Hợp phần 2: Hạ tầng hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh: Nâng cấp hệ thống tưới, tiêu, thoát lũ và xây dựng cảng cá.

c) Hợp phần 3: Phân quyền thực hiện quy trình quản lý tài sản công: Hợp phần này bao gồm các hoạt động chính liên quan đến công tác quản lý dự án, thiết kế, giám sát, đánh giá dự án, xây dựng hệ thống thông tin, đào tạo quản lý dự án,...

10. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn:

Tổng mức đầu tư dự án là: 43,29 triệu USD

Trong đó:

- Nguồn vốn ODA của ADB: 34,24 triệu USD

+ Vốn vay ưu đãi (ADF/COL): 24,25 triệu USD

+ Vốn vay thông thường (OCR/MOL): 9,99 triệu USD

- Nguồn vốn đối ứng: 9,05 triệu USD

11. Cơ chế tài chính trong nước:

Thực hiện theo Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị”, vay vốn Ngân hàng Phát triển châu Á.

a) Đối với phần vốn vay ODA:

Đối với phần vốn vay ưu đãi (ADF/COL) của dự án (24,25 triệu USD), cơ chế tài chính trong nước đối với nguồn này là: Ngân sách trung ương cấp phát bổ sung có mục tiêu 80% và cho tỉnh vay lại 20%.

Đối với phần vốn vay thông thường (OCR/MOL) của dự án (9,99 triệu USD), cơ chế tài chính trong nước đối với nguồn này là: Ngân sách trung ương cấp phát bổ sung có mục tiêu 30% và cho tỉnh vay lại 70%.

Toàn bộ nguồn vốn vay lại được thực hiện theo Hợp đồng vay phụ ký giữa đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình và Bộ Tài chính và sẽ được giao cho Chủ đầu tư dự án quản lý, sử dụng đầu tư xây dựng các hạng mục công trình được phê duyệt và nội dung ký kết trong Hiệp định vốn vay. Điều kiện vay lại áp dụng theo quy định của Chính phủ.

b) Đối với nguồn vốn đối ứng:

Vốn đối ứng thực hiện phần ngân sách Trung ương cấp phát bổ sung có mục tiêu: Thực hiện theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

Vốn đối ứng cho khoản vay lại: Ủy ban nhân dân tỉnh tự cân đối, bố trí từ nguồn ngân sách của tỉnh.

**II. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN VAY**

1. Về phương án sử dụng vốn:

a) Toàn bộ phần vốn vay ODA (34,24 triệu USD) của ADB được sử dụng đầu tư xây dựng các hạng mục công trình, các tiểu dự án thuộc Hợp phần 1 và Hợp phần 2; chi phí tư vấn giám sát; chi phí vốn hóa lãi trong quá trình xây dựng và chi phí dự phòng xây lắp dự án.

b) Vốn đối ứng (9,05 triệu USD) được sử dụng để thực hiện Hợp phần 3 (phân quyền thực hiện quy trình quản lý tài sản công), chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi; thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán và các chi phí tư vấn khác; chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí dự phòng phần vốn đối ứng,...

2. Cơ chế vay lại:

Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ ký thỏa thuận vay lại với Bộ Tài chính đối với nguồn vốn cho vay lại của Dự án với cơ chế tài chính như sau:

a) Cơ chế vay lại đối với nguồn vốn vay ưu đãi (ADF/COL): 4,85 triệu USD, tỉnh sẽ ký thỏa thuận vay lại với Bộ Tài chính theo các điều kiện vay lại như sau:

- Tổng thời gian vay là 25 năm, trong đó 5 năm ân hạn, lãi trong quá trình xây dựng được gốc hóa.

- Lãi suất vay cố định 2,0%/năm

- Hình thức trả nợ: Mỗi năm hai kỳ vào ngày 1/4 và 1/10.

b) Cơ chế vay lại đối với nguồn vốn vay thông thường (OCR/MOL): 6,993 triệu USD, tỉnh sẽ ký thỏa thuận vay lại với Bộ Tài chính theo các điều kiện vay như sau:

- Tổng thời gian vay là 25 năm, trong đó 6 năm ân hạn, lãi trong quá trình xây dựng được gốc hóa.

- Lãi suất vay: LIBOR cộng với biên độ cố định và biên độ biến đổi.

- Hình thức trả nợ: Mỗi năm hai kỳ vào ngày 1/4 và 01/10.

3. Tổng giá trị vay lại: 11,843 triệu USD.

4. Phương án trả nợ:

a) Đối với nguồn vay ưu đãi (ADF/COL):

- Phương án trả nợ thông thường: Dự kiến vay 25 năm, 5 năm ân hạn, bắt đầu trả nợ gốc từ năm 2023, đến năm 2042 trả hết nợ.

- Phương án trả nợ nhanh: Dự kiến vay 15 năm, 5 năm ân hạn, bắt đầu trả nợ gốc từ năm 2023, đến năm 2032 trả hết nợ.

b) Đối với nguồn vay thông thường (OCR/MOL): Dự kiến vay 25 năm, 6 năm ân hạn, bắt đầu trả nợ gốc từ năm 2024, đến năm 2042 trả hết nợ.

5. Nguồn vốn trả nợ: Từ nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ lục 1, 2 và 3 đính kèm xem

trên baoquangbinh.vn)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện Nghị quyết này. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2017.

**CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

**Hoàng Đăng Quang**

**NGHỊ QUYẾT**

Quy định định mức chi phí hỗ trợ chuẩn bị và quản lý thực hiện dự án đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016 - 2020

(NQ số 20/2017/NQ-HĐND ngày 18-7-2017)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 2 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Xét Tờ trình số 1013/TTr-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định định mức chi phí hỗ trợ chuẩn bị và quản lý thực hiện dự án đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016 - 2020; sau khi nghe Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

Điều 1. Quy định định mức chi phí hỗ trợ chuẩn bị và quản lý thực hiện dự án đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp, Nhà nước hỗ trợ đầu tư một phần, phần còn lại do nhân dân đóng góp quy định tại Điều 2, Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020, cụ thể như sau:

1. Chi phí lập đề xuất dự án: Tính bằng 1,114% chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) nhưng tối thiểu là 2.000.000 đồng và tối đa 5.000.000 đồng.

2. Chi phí lập hồ sơ xây dựng công trình: Tính theo hướng dẫn tại Điểm 3 Mục II Phần II Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Đối với dự án sử dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì điều chỉnh với hệ số K=0,36.

3. Chi phí thẩm định hồ sơ xây dựng công trình: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

Đối với dự án sử dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình thì chi phí thẩm định hồ sơ xây dựng điều chỉnh với hệ số K=0,36.

4. Chi phí quản lý dự án (gồm cả chi phí lập dự thảo hợp đồng; chi phí xem xét, đánh giá lựa chọn đơn vị thi công, đàm phán và ký kết hợp đồng; chuẩn bị hồ sơ thanh quyết toán,...): Tính theo hướng dẫn tại Mục I Phần I Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng và điều chỉnh với hệ số K=0,7.

5. Chi phí tổ chức, giám sát thi công và nghiệm thu công trình: Tính theo hướng dẫn tại Mục IX Phần II Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng và điều chỉnh với hệ số K=0,7.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 8 năm 2017.

**CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

**Hoàng Đăng Quang**